

CA LÂM SÀNG TÍCH HỢP SỐ 2

1. Mục tiêu học tập

1. Giải thích cơ chế của các biểu hiện trên bệnh nhân có rối loạn nước, điện giải
2. Vận dụng nguyên tắc bù dịch trên bệnh nhân có rối loạn nước, điện giải.

2. Câu hỏi chuẩn bị tại nhà:

1. Các cơ chế gây phù ?
2. Vai trò của nước, các chất điện giải trong cơ thể ?
3. Cơ chế điều hòa nước, điện giải trong cơ thể ?
4. Các biểu hiện của rối loạn nước, điện giải ?
5. Các biện pháp bù nước, điện giải ?

3. Tài liệu học tập

1. Phạm Thị Minh Đức (2017). Đại cương về cơ thể sống và hằng tính nội môi. *Sinh lý học*, NXB Y học, Hà Nội, trang 24-35.
2. Trường Đại học Y Hà Nội (2019). Rối loạn chuyển hóa nước và điện giải. *Sinh lý bệnh học*, NXB Y học, trang 102-117.
4. Trường Đại học Y Hà Nội (2004). Các chất điện giải chính. *Dược lý học lâm sàng*, NXB Y học, trang 416-426.

4. Ca lâm sàng:

Bệnh nhân nữ 76 tuổi nghề nghiệp tự do, không đi khám bệnh định kỳ. Khoảng 1 tuần nay xuất hiện đau nhức chân trái, đau tăng khi đi lại vận động, thấy chân sưng to lên, đêm nằm gác chân lên cao thấy đỡ to. 2 ngày nay bệnh nhân xuất hiện đau bụng tiêu chảy 4 lần/ngày. Bệnh nhân thấy mệt nhiều và chân trái sưng to nên vào viện trong tình trạng tỉnh, nhiệt độ 37,5 độ, mệt mỏi, cảm giác khát nước, môi khô, đau nhức chân trái, không xuất huyết dưới da.

Tim đều rõ 105ck/p

Huyết áp: 100/60 mmHg

Phổi RRPN thô

Bụng chướng hơi, gan lách không to

Tiểu ít, nước tiểu vàng sậm

Chân trái phù to, ấn lõm, phù tím nhẹ, sờ nóng, đỏ.



	Vòng đùi	Vòng bắp chân
Chân phải	49 cm	36,5 cm
Chân trái	52 cm	38 cm

Xét nghiệm:

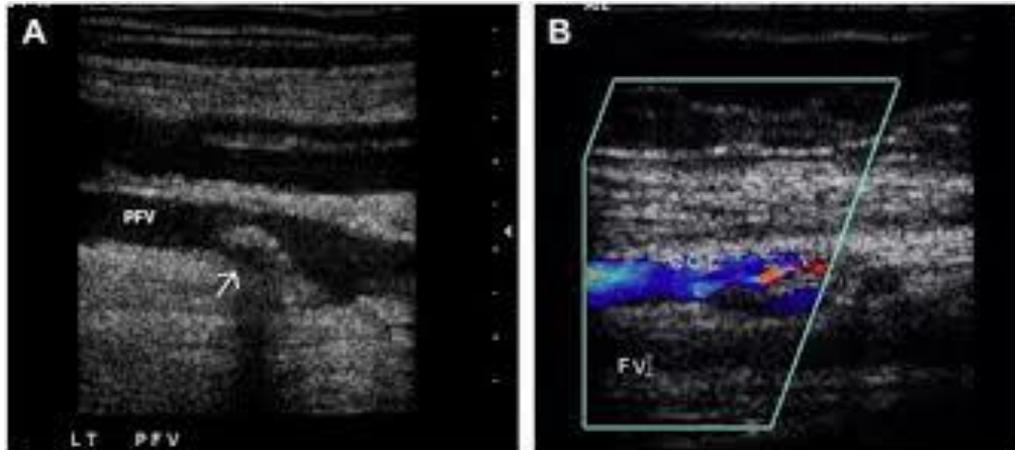
- Công thức máu

Thông số	Kết quả	Chỉ số bình thường
WBC	12.4 G/l	4 - 10 G/L
Neutrophil	78.8 %	60 – 66 %
Lymphocyte	17.4 %	17 – 48 %
Monocyte	7.6 %	2 – 2,5 %
Eosinophil	0.1 %	2 – 11 %
Basophil	0.1 %	0,5 – 1 %
RBC	4.57 T/L	3.87 - 4.91 T/L
HGB	125 g/L	117.5 - 143.9 g/L
Hct	0.48 L/L	0.34 – 0.44 L/L
PLT	236 G/L	150 - 450 G/L

- Sinh hoá máu

Thông số	Kết quả	Chỉ số bình thường
Ure	6.4	2.5-7.5 mmol/l
Creatinin	88.6	Nữ: 44-97 μ mol/l
Glucose	5.6	3.9-5.6 mmol/l
Protein	72.1	60-80 mmol/l
Albumin	44.3	34-54 mmol/l
Na ⁺	143.2	135-145 mmol/l
K ⁺	3.0	3.5-5.1 mmol/l
Cl ⁻	96.1	95-105 mmol/l
D-Dimer	2643	< 250ng/ml

- Siêu âm Doppler mạch máu:



Hình ảnh huyết khối tĩnh mạch đùi trái

Chẩn đoán: Huyết khối tĩnh mạch đùi trái, tiêu chảy cấp mất nước